

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2023/HC-PT

Ngày 02 - 6 - 2023

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 119/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần Văn U' đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2022/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5542/2023/QĐ-PT ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Văn U', sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm CT, xã TA, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Viết Đ và ông Lê Ngọc T, Luật sư Công ty Luật TNHH NV, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, ông Đ vắng mặt, ông T có mặt tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tường H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đỗ Tuấn N, Luật sư Công ty luật TNHH MTV KB chi nhánh HL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND thị xã QY và UBND thị xã QY.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã QY (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn K, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã TA, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3 Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1956, có mặt;

4. Bà Trần Thị Hải Y, vắng mặt;

5. Bà Trần Thị H1, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm CT, xã TA, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh.

6. Bà Đinh Thị T2, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm CT, xã TA, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh.

** Người kháng cáo:* Ông Trần Văn U', có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa thị xã QY, UBND thị xã QY đã ban hành các quyết định thu hồi đất: Quyết định số 6551/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, Quyết định số 5488/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 13/09/2016, Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 04/04/2017, Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 23/06/2017. Đồng thời ban hành Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, Quyết định số 5487/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 13/9/2016, Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 04/4/2017, Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông Trần Văn U', cụ thể:

- Thửa số 418/1 tờ bản đồ số P28: Đất cây lâu năm: $10,9\text{m}^2 \times 37.400\text{đ}/\text{m}^2 = 407.600\text{đ}$ (nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Thửa số 418/2 tờ bản đồ địa chính số P28: Đất ở $2m^2 \times 1.080.000đ/m^2 = 2.160.000đ$; đất trồng cây lâu năm $183,1m^2 \times 37.400đ/m^2 = 6.847.940đ$; đất cây lâu năm (thuộc thửa 418/2, bổ sung): $3,3m^2 \times 37.400đ/m^2 = 123.420đ$.

- Đất công cộng thuộc 376 tờ P28 bản đồ địa chính: $3,5m^2$, không có giấy tờ, nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất, không được bồi thường.

- Bồi thường hoa màu trên đất: 27.721.899đ.

Tổng số tiền được bồi thường: 37.260.859đ.

Sau khi nhận được các quyết định trên, gia đình ông Trần Văn U' cho rằng việc UBND thị xã QY bồi thường đất cho gia đình ông là đất trồng cây lâu năm không đúng mà phải xác định và bồi thường là đất ở, nên ông Trần Văn U' có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã QY đề nghị được bồi thường toàn bộ diện tích $185,1m^2$ đất Nhà nước thu hồi thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ GPMB số 01 (tương ứng là thửa đất số 418/2, tờ bản đồ địa chính số P28) và $17,7m^2$ đất thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ GPMB số 01 (tương ứng là thửa đất số 418/1, tờ bản đồ địa chính số P28) là đất ở. Ngày 28/8/2017, Chủ tịch UBND thị xã QY ban hành Quyết định số 1932/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn U' (lần đầu)” với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Văn U'.

Ông Trần Văn U' tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Ngày 23/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 4174/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn U' (lần 2) có nội dung: Đồng ý với 1932/QĐ-UBND ngày 28/8/2017, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn U'.

Không nhất trí với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, ông Trần Văn U' khởi kiện yêu cầu: Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 4174/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1932/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã QY; xem xét hủy một phần các Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, số 6551/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, số 5487/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, số 5488/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, số 4863/QĐ-UBND ngày 13/9/2016, số 4864/QĐ-UBND ngày 13/09/2016, số 458/QĐ-UBND ngày 04/4/2017, số 457/QĐ-UBND ngày 04/04/2017, số 1299/QĐ-UBND ngày 23/6/2017, số 1298/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 có liên quan đến hộ ông Trần Văn U', yêu cầu hủy hạng mục thu hồi, bồi thường đất trồng cây lâu năm và lập lại thu hồi, bồi thường là đất ở. Ngoài ra, người khởi kiện đề nghị xem xét tính hợp pháp của các GCNQSD đất số U507739 năm 2002 mang tên ông Trần Văn I và GCNQSD đất số BN 795913 năm 2013 mang tên ông Trần Văn U', yêu cầu xác định lại diện tích trong các GCNQSD đất là đất ở.

** Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn U' trình bày:*

Theo nguồn gốc sử dụng đất do gia đình ông Trần Văn U' xác định tại “Đơn xin đề nghị xác nhận đất ở” đề ngày 29/9/2016 đã được đại diện một số người cao

tuổi sống liền kề và UBND xã TA ký xác nhận thì thửa đất số 418 có diện tích 3.745m² được ông cha khai phá lập nghiệp từ năm 1937. Sau đó, thửa đất được tách cho ba người con là: Trần Văn I (bố đẻ ông Trần Văn U), Trần Văn T3, Trần Thị T4 tương ứng với các thửa 418/1, 418/2, 418/3. Thửa đất số 418/1, tờ bản đồ địa chính số P28 được cấp GCNQSD đất số U507739 năm 2002 mang tên ông Trần Văn I, diện tích được cấp là 2.195m², trong đó: Đất ở 300m², đất vườn 1.895m². Sau khi ông I chết, các hàng thừa kế bao gồm vợ (bà Ngô Thị N1) và các con (ông Trần Văn U, bà Trần Thị Hải Y, bà Trần Thị H1) đang quản lý và sử dụng. Những người thuộc hàng thừa kế đã ủy quyền cho ông Trần Văn U đứng tên trong phương án bồi thường GPMB để giải quyết các thủ tục hành chính và tố tụng tại tòa án đối với thửa đất 418/1 mang tên ông Trần Văn I.

Thửa đất số 418/2, tờ bản đồ địa chính số P28 được cấp GCNQSD đất số BN 795034 năm 2013 mang tên bà Hoàng Thị L (vợ ông Trần Văn T3, nhận thừa kế từ ông T3) với diện tích được cấp là 768m², trong đó: Đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 468m². Sau đó, bà L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn U một phần diện tích nằm trong thửa 418/2, phần diện tích này là thửa số 428 đã được cấp GCNQSD đất số BN 795913 vào năm 2013 mang tên ông Trần Văn U với diện tích 528m², trong đó: Đất ở 150m², đất trồng cây lâu năm 378m². Phần còn lại của thửa đất 418/2, bà Hoàng Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T4, đã được cấp GCNQSD đất số BN 795912 mang tên bà Trần Thị T4 với diện tích 240m² trong đó: Đất ở 150m², đất trồng cây lâu năm 90m². Phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà T4 đã được lập phương án bồi thường, không liên quan đến nội dung yêu cầu giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn U.

Thửa đất số 418/3, tờ bản đồ địa chính số P28 được cấp GCNQSD đất số X184114 mang tên ông Phạm Văn L1 (chồng bà Trần Thị T4) với diện tích được cấp là 535m², trong đó: Đất ở 300m², đất vườn 235m².

Ông Trần Văn U cho rằng việc UBND thị xã QY bồi thường đất cho gia đình ông là đất trồng cây lâu năm không đúng mà phải xác định và bồi thường là đất ở. Bởi vì, căn cứ vào điểm b khoản 5, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai, thửa đất của gia đình ông có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước ngày 18/12/1980 và có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất mà theo ông sổ này được lập trước ngày 15/10/1993. Do đó khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh trình bày:*

Phần diện tích 17,7m² (10,9m² thuộc thửa 418/1; 3,3m² thuộc thửa 418/2) có nguồn gốc do ông cha sử dụng từ trước năm 1980, có tên trong bản đồ địa chính xã TA năm 1995 (Thửa 418/1, số thứ tự 37 quyền xóm CT ký hiệu T (đất thổ cư); diện tích 2.195m² mang tên chủ sử dụng đất là ông Trần Văn I). Năm 2002, khi cấp GCNQSD đất cho ông I (bố đẻ của ông Trần Văn U) UBND thị xã QY đã căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định 2515/2000/QĐ-UBND ngày 02/10/2000 của UBND tỉnh Quảng Ninh (đang có hiệu lực tại thời điểm áp dụng) để cấp đúng hiện trạng và đúng quy định của pháp luật đối với toàn bộ thửa đất gia đình đang

sử dụng (GCNQSD đất số U507739 năm 2002 mang tên ông Trần Văn I, diện tích được cấp là 2.195m², trong đó: Đất ở 300m², đất vườn 1.895m²).

Phần diện tích 183,1m² nằm trong GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn U, có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị L: Qua xem xét hồ sơ, việc cấp GCNQSD đất cho bà Hoàng Thị L và việc cơ quan chức năng thực hiện các thủ tục để bà L chuyển nhượng cho ông U là đúng quy định. Tại GCNQSD đất đã cấp cho bà Hoàng Thị L, sau đó bà L chuyển nhượng cho ông Trần Văn U có xác định diện tích đất ở là 150m², đất trồng cây lâu năm 378m². Phần diện tích 183,1m² thu hồi nằm trong diện tích 378 m² đất trồng cây lâu năm thể hiện trong GCNQSD đất đã cấp cho ông Trần Văn U. Như vậy, UBND thị xã QY căn cứ vào GCNQSD đất đã cấp để lập phương án bồi thường cho gia đình ông Trần Văn U là đúng quy định của pháp luật.

Đối với diện tích 3,5m² bị thu hồi thuộc thửa 376 tờ bản đồ P28 (đất công cộng): Theo quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai 2013 thì UBND thị xã QY không lập phương án bồi thường đối với phần diện tích 3,5m² đất công cộng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung ông Trần Văn U yêu cầu được áp dụng theo điểm b, khoản 5, Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để xác định lại diện tích đất ở khi bồi thường GPMB cho gia đình ông. Sau khi xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan của hộ ông Trần Văn U cho thấy: Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND thị xã QY cấp cho hộ gia đình ông U, đến nay ông không cung cấp được giấy tờ nào khác có liên quan đến thửa đất số 418/1 và thửa đất số 428 tách ra từ thửa 418/2, tờ bản đồ địa chính số P28 xã TA được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 100 của Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Như vậy, ông Trần Văn U khiếu nại yêu cầu được xác định lại diện tích đất ở để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình ông là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch và UBND thị xã QY trình bày:*

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã TA xác nhận, hộ gia đình ông Trần Văn U bị thu hồi tổng diện tích đất 202,8m² thuộc thửa đất số 54 và thửa đất số 75 tờ số 01 bản đồ GPMB của dự án. Việc bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông Trần Văn U được thực hiện căn cứ diện tích đất ở và diện tích đất vườn, đất trồng cây lâu năm bị thu hồi trong GCNQSD đất tên ông Trần Văn I và GCNQSD đất tên hộ ông Trần Văn U là đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND thị xã QY và UBND thị xã QY có quan điểm không chấp nhận về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U được bồi thường phần diện tích đất thu hồi gồm 17,7m² thuộc thửa 418/1 và 183,1m² thuộc thửa 418/2 tờ bản đồ địa chính P28 để thực hiện Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa thị xã QY là đất ở và việc cấp GCNQSD đất đã được thực hiện theo đúng quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã TA trình bày:* Việc xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với hộ ông Trần Văn U, Hội

đồng xét duyệt nguồn gốc đất xã TA căn cứ vào GCNQSD đất của ông Trần Văn U', GCNQSD đất của ông Trần Văn I, Bản đồ địa chính xã TA năm 1995, Sổ đăng ký địa chính xã TA năm 1995, Bản Trích đo sơ đồ thửa đất GPMB của hộ ông Trần Văn U', Trần Văn I của Trung tâm kỹ thuật địa chính Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh. UBND xã TA có quan điểm những yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U' là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị T2, Bà Ngô Thị N1, Bà Trần Thị Hải Y, bà Trần Thị H1: Cùng quan điểm với Người khởi kiện là ông Trần Văn U'.*

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2022/HC-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định: Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn U' về yêu cầu: Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 4174/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh “*về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn U', trú tại thôn CT, xã TA, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh*”; xem xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1932/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã QY; các quyết định về việc thu hồi đất: Quyết định số 6551/QĐ-UBND ngày 11/12/2014; Quyết định số 5488/QĐ-UBND ngày 13/11/2015; Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 13/09/2016; Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 04/04/2017; Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 23/06/2017; các quyết định phê duyệt phương án bồi thường: Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, Quyết định số 5487/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 13/9/2016, Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 04/4/2017, Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 (Phần có liên quan đến hộ ông Trần Văn U'), hủy mục thu hồi, bồi thường đất trồng cây lâu năm và đề nghị thu hồi, lập lại phương án bồi thường là đất ở và xem xét tính hợp pháp của các GCNQSD đất số U507739 năm 2002 mang tên ông Trần Văn I và GCNQSD đất số BN 795913 năm 2013 mang tên ông Trần Văn U', yêu cầu xác định lại diện tích trong các GCNQSD đất là đất ở.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2022, người khởi kiện là ông Trần Văn U' có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

- Người khởi kiện là ông Trần Văn U' trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm; diện tích đất của gia đình ông sử dụng từ trước năm 1937 đến thời điểm thu hồi, không có tranh chấp, đã có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ địa chính lập năm 1995; đã được nhiều người cao tuổi làm chứng có xác nhận của UBND xã TA. Đây là những giấy tờ về quyền sử dụng đất được

quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, nên đất của gia đình ông đủ điều kiện được công nhận đất ở bằng 05 lần hạn mức đất ở do tỉnh Quảng Ninh quy định, nhưng khi cấp GCNQSD đất thì UBND huyện YH (nay là thị xã QY) lại chỉ cấp hạn mức đất ở là 300m²; do không am hiểu pháp luật nên khi được cấp GCNQSD đất gia đình ông không biết đề khiếu nại, hay khởi kiện mãi đến khi thu hồi thì gia đình ông mới biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông để sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính mà ông đã khởi kiện, đồng thời xem xét tính hợp pháp của các GCNQSD đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N1 trình bày: Cơ bản nhất trí như ý kiến trình bày của ông U, đối với thửa đất đã được cấp GCNQSD đất cho ông U vào năm 2013 là do bà trực tiếp đi làm, khi làm thì các cơ quan chuyên môn yêu cầu làm tên bà L, sau đó mới chuyển sang tên ông U được.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông U trình bày: Các thửa đất của gia đình ông U đều thuộc trường hợp đất ở có vườn ao và đã được cấp GCNQSD đất trước ngày 01/7/2014; gia đình ông U có sổ đăng ký ruộng đất của UBND xã TA, là một trong các loại giấy tờ được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai, nhưng diện tích đất ở chưa được xác định lại theo điểm b và điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 181/2004 của Chính phủ; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không công nhận sổ đăng ký ruộng đất của UBND xã TA là không chính xác. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ Công văn số 5968/TNMT-ĐKĐĐ, ngày 26/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và quyết định số 56-ĐKTK ngày 05/11/1981 để xác định sổ đăng ký ruộng đất chỉ có dấu của UBND xã TA mà UBND huyện YH (nay là thị xã QY) không ký duyệt, đóng dấu là không đúng quy định. Toàn bộ diện tích đất của gia đình ông U sử dụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất; nguồn gốc sử dụng đất được nhiều người làm chứng và có xác nhận của UBND xã TA. Nằm trong cùng một dự án và bị thu hồi giống gia đình ông U, nhưng có những hộ gia đình khác lại được bồi thường theo giá đất ở. Do đó, Luật sư Lê Ngọc T đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn U, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn U.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh trình bày: Khi cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Trần Văn I (bố ông U) UBND huyện đã căn cứ Quyết định số 2515, ngày 02/10/2000 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định về hạn mức đất ở; theo quyết định này thì hạn mức đất ở được quy định là 300m², nên việc cấp GCNQSD đất cho ông I là đúng quy định. Đối với GCNQSD đất cấp cho ông Trần Văn U là do ông U nhận chuyển nhượng từ bà L, hồ sơ chuyển nhượng thể hiện diện tích là 518m², trong đó 150m² đất ở và 378m² đất vườn; căn cứ hồ sơ chuyển nhượng này UBND thị xã QY đã cấp GCNQSD đất cho ông U là đúng quy định của pháp luật. Đối với diện tích 3,5m² là diện tích nằm ngoài GCNQSD đất, là đất công nên không được bồi thường. Do đó, việc xác định lại diện tích đất ở trong các GCNQSD đất là không có căn cứ. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xử bác đơn khởi kiện của ông U là đúng quy định, ông U

kháng cáo không có căn cứ, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông U là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Trần Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về Thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 (sau đây gọi tắt là Quyết định 4174) của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với ông Trần Văn U; đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính khác có liên quan là: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1932/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã QY (sau đây gọi tắt là Quyết định 1932), Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6550), Quyết định số 6551/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6551), Quyết định số 5487/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5487), Quyết định số 5488/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5488), Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4863), Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 13/09/2016 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4864), Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 458), Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 04/04/2017 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 457), Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1299), Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1298) có liên quan đến hộ ông Trần Văn U, và đề nghị xem xét tính hợp pháp của các GCNQSD đất số U507739 năm 2002 mang tên ông Trần Văn I và GCNQSD đất số BN 795913 năm 2013 mang tên ông Trần Văn U, yêu cầu xác định lại diện tích trong các GCNQSD đất là đất ở. Đây là các quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 23/10/2018 Chủ tịch

UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quyết định, đến ngày 28/01/2019 ông Trần Văn U có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Trần Văn U thấy:

[3] Xem xét về nguồn gốc quản lý, sử dụng đối với diện tích đất: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thì thửa đất số 418/1 và 428 tách ra từ thửa 418/2, tờ bản đồ địa chính số P28 xã TA của hộ ông Trần Văn U có nguồn gốc do ông cha để lại và sử dụng ổn định trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.

Đối với thửa đất 418/1: Ông Trần Văn I cùng vợ là bà Ngô Thị N1 và các con sinh sống ổn định trên thửa đất này, được UBND thị xã QY cấp GCNQSD đất năm 2002 mang tên ông Trần Văn I có diện tích 2.195m²; trong đó có 300m² đất ở và 1.895m² đất vườn. Năm 2012, ông I chết, các hàng thừa kế của ông I là bà Ngô Thị N1 (vợ), và các con của ông I (gồm ông Trần Văn U, bà Trần Thị H1, bà Trần Thị Hải Y) đang quản lý và sử dụng.

Đối với thửa đất 418/2: Thửa đất được cấp GCNQSD đất năm 2013 mang tên bà Hoàng Thị L (do nhận thừa kế từ chồng đã chết là ông Trần Văn T3 - em trai ông Trần Văn I), sau đó bà L chuyển nhượng cho ông Trần Văn U một phần diện tích nằm trong thửa 418/2 là 518m²; trong đó có 150m² là đất ở và 378m² vườn, căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Hoàng Thị L và ông Trần Văn U, UBND thị xã QY đã cấp GCNQSD đất cho ông U với diện tích 518m²; trong đó có 150m² đất ở và 378m² đất vườn.

Tại các Bản chứng nhận nhân khẩu, hộ khẩu, nguồn gốc sử dụng nhà, đất phục vụ công tác bồi thường GPMB của UBND xã TA cũng thể hiện diện tích thu hồi nằm trong các thửa 418/1, 418/2 là đất cây lâu năm nằm trong cùng thửa đất có nhà ở.

Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất thì các thửa đất của hộ gia đình ông U đã được cấp GCNQSD đất; trong GCNQSD đất đã được thể hiện rõ diện tích đất ở và diện tích đất vườn. Ông Trần Văn U cung cấp 01 Sổ đăng ký ruộng đất do xã TA lập, tại trang bìa của sổ chỉ có dấu của UBND xã TA mà chưa được UBND huyện YH (nay là thị xã QY) ký duyệt và đóng dấu, thể hiện: “*Tại số thứ tự 37 mang tên Trần Văn I, thửa 418₍₁₎ tờ 64d₄ diện tích 2195m², loại đất thổ cư. Tại số thứ tự 74 mang tên Trần Văn T3, thửa 418₍₂₎ tờ 64d₇ diện tích 1015m², loại đất thổ cư*”. Tuy

nhiên, theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh thì Sổ đăng ký ruộng đất (lập theo quy định tại Quyết định số 56-ĐKTK) và Sổ địa chính (được lập theo quy định tại Quyết định số 499/QĐ-ĐC và Thông tư số 1990/2001/TT - TCĐC) mới được coi là loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai) vì các Sổ này chỉ ghi đối với những người sử dụng đất đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã thẩm tra, xác nhận là sử dụng hợp pháp, đồng thời được UBND cấp huyện xét duyệt công nhận (theo quy định tại Quyết định số 56-ĐKTK) hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận (theo quy định tại QĐ số 499/QĐ-ĐC và Thông tư số 1990/2001/TT-TCCĐC); cũng như theo mục II hướng dẫn lập và giữ sổ đăng ký ruộng đất của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56 - ĐKTK ngày 5/11/1981 của Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định về thủ tục đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước thì sổ phải do UBND xã lập và phải được UBND huyện ký duyệt. Do đó, mặc dù đất của hộ ông Trần Văn Ư có nguồn gốc do ông cha để lại sử dụng trước ngày 18/12/1980 nhưng không có một trong các giấy tờ được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, nên UBND thị xã QY đã căn cứ Quyết định 2515/2000/QĐ-UBND ngày 02/10/2000 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định tạm thời hạn mức và thời hạn giao đất đối với đất ở, đất nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp cho hộ gia đình và cá nhân để cấp GCNQSD đất cho ông Trần Văn I và ông Trần Văn Ư là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Ư về xem xét tính hợp pháp của các GCNQSD đất là có căn cứ.

[4] Đối với các quyết định thu hồi đất và các quyết định phê duyệt phương án bồi thường thấy: Thực hiện Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa thị xã QY đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND thị xã QY đã tiến hành các thủ tục, cụ thể: Ban hành Thông báo thu hồi đất số 83/TB-UBND ngày 11/02/2014 (lần 2), Thông báo số 117/TB-UBND ngày 03/4/2015 (bổ sung), Thông báo số 206/TB-UBND ngày 25/07/2015 (lần 3); đồng thời tổ chức kiểm đếm, xác định diện tích đất, nguồn gốc đất và tài sản theo đúng trình tự thủ tục được pháp luật quy định; sau đó đã ban hành các quyết định thu hồi đất, gồm: Quyết định số 6551/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, Quyết định số 5488/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 13/09/2016, Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 04/04/2017, Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: Quyết định số 6550/QĐ-UBND ngày 11/12/2014, Quyết định số 5487/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 13/9/2016, Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 04/4/2017, Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 23/6/2017. Như vậy, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường và các quyết định phê duyệt phương án bồi thường đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, như đã phân tích ở trên thì việc UBND thị xã QY cấp GCNQSD đất cho ông Trần Văn I và Trần Văn Ư đúng quy định của pháp luật; khi thu hồi đất gia đình ông Ư ngoài GCNQSD đất thì không có các giấy tờ khác được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; tại các GCNQSD đất đã thể hiện rõ diện tích đất ở và đất vườn, nên UBND thị xã QY đã

căn cứ GCNQSD đất để xác định loại đất thực hiện cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là có căn cứ. Theo đó, thửa số 418/1 tờ bản đồ số P28: Đất trồng cây lâu năm: $10,9\text{m}^2 \times 37.400\text{đ}/\text{m}^2 = 407.600\text{đ}$ (nằm trong GCNQSD đất); thửa số 418/2 tờ bản đồ địa chính số P28: Đất ở $2\text{m}^2 \times 1.080.000\text{đ}/\text{m}^2 = 2.160.000\text{đ}$; đất trồng cây lâu năm $183,1\text{m}^2 \times 37.400\text{đ}/\text{m}^2 = 6.847.940\text{đ}$; đất trồng cây lâu năm (thuộc thửa 418/2, bổ sung): $3,3\text{m}^2 \times 37.400\text{đ}/\text{m}^2 = 123.420\text{đ}$. Đất công cộng thuộc 376 tờ P28 bản đồ địa chính: $3,5\text{m}^2$, không có giấy tờ, nằm ngoài GCNQSD đất, không được bồi thường. Bồi thường hoa màu trên đất: 27.721.899đ. Tổng số tiền được bồi thường 37.260.859đ.

[5] Đối với Quyết định 1932 của Chủ tịch UBND thị xã QY về giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn U, thấy: Do không đồng ý với các quyết định thu hồi đất và các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng; ông Trần Văn U đã làm đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND thị xã QY. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thị xã QY đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và tổ chức đối thoại; căn cứ kết quả xác minh, như đã phân tích ở trên thì việc UBND thị xã QY căn cứ GCNQSD đất để xác định loại đất bị thu hồi của ông U là đúng quy định của pháp luật, nên ngày 28/8/2017 Chủ tịch UBND thị xã QY đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1932/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Văn U là đúng trình tự, thủ tục quy định.

[6] Đối với Quyết định số 4174 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh: không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã QY, ông Trần Văn U tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông U, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý đơn khiếu nại, thành lập tổ xác minh nội dung đơn khiếu nại; Đoàn xác minh đã xác minh nội dung khiếu nại và Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 205/BC-TTr ngày 29/12/2017 về kết quả xác minh, kết luận và kiến nghị giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn U. Căn cứ kết quả xác minh, ngày 23/10/2018 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 4174/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với ông Trần Văn U. Theo đó, như đã phân tích ở trên thì khiếu nại của ông U không có căn cứ chấp nhận, nên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn U, giữ nguyên nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1932/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã QY là đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, ông Trần Văn U kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông U; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, nên ông U phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn U'; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2022/HC-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Trần Văn U' phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ ông đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016010, ngày 12/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; xác nhận ông U' đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm